

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho Quý 2 năm 2018*



## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>2 – 26</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9– 26

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>59.209.550.949</b>	<b>58.603.587.937</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.479.425</b>	<b>43.479.425</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	43.479.425	43.479.425
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.319.407.391</b>	<b>38.042.542.453</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	39.319.407.391	38.042.542.453
	- Nguyên giá	222		72.983.489.945	67.395.246.491
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.664.082.554)	(29.352.704.038)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>5.605.147.685</b>	<b>5.436.204.593</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.605.147.685	5.436.204.593
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251			
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	750.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.491.516.448</b>	<b>14.331.361.466</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	13.491.516.448	14.331.361.466
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>248.299.526.637</b>	<b>154.953.681.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.704.249.390</b>	<b>90.768.283.092</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.005.673.991</b>	<b>78.283.686.944</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	19.625.257.797	19.594.184.072
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.698.903.468	2.521.510.589
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.184.245.184	2.750.038.498
4.	Phải trả người lao động	314		1.087.336.064	1.228.833.064
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.065.743.706	476.580.219
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	46.344.187.772	51.712.540.502
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.698.575.399</b>	<b>12.484.596.148</b>
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	10.698.575.399	12.484.596.148
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>165.595.277.247</b>	<b>64.185.398.544</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>165.595.277.247</b>	<b>64.185.398.544</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		8.998.900.000	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.596.377.247	19.185.398.544
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		19.185.398.544	4.390.903.010
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.410.978.703	14.794.495.534
3.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>248.299.526.637</b>	<b>154.953.681.636</b>

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Miên

Hoàng Hạnh phúc

Lê Hoài An



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.618.393.523	45.102.555.491	65.624.795.908	76.359.224.509
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02			19.591.850	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.618.393.523	45.102.555.491	65.605.204.058	76.359.224.509
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	32.974.335.699	41.552.356.885	54.562.109.548	68.079.524.003
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.644.057.824	3.550.198.606	11.043.094.510	8.279.700.506
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	815.772	540.430	2.407.851	1.799.790
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.052.632.518	987.082.327	2.055.242.656	1.770.219.392
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.052.632.518	987.082.327	2.055.242.656	1.770.219.392
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.368.251.201	1.235.934.492	2.891.054.729	2.455.699.917
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.077.722.993	1.123.632.469	2.590.897.145	2.115.725.805
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.146.266.884	204.089.748	3.508.307.831	1.939.855.182
11.	Thu nhập khác	31			9.673.142.164		9.673.142.164
12.	Chi phí khác	32	VI.06	290.984.564	24.661.821	303.771.007	29.428.524
13.	Lợi nhuận khác	40		(290.984.564)	9.648.480.343	(303.771.007)	9.643.713.640
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.855.282.320	9.852.570.091	3.204.536.824	11.583.568.822

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

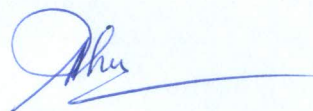
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	487.023.788	451.202.911	793.558.121	797.402.657
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.368.258.532</b>	<b>9.401.367.180</b>	<b>2.410.978.703</b>	<b>10.786.166.165</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.09</b>	<b>101</b>	<b>2.089</b>	<b>229</b>	<b>2.397</b>
19.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.10</b>	<b>101</b>	<b>2.089</b>	<b>229</b>	<b>2.397</b>

Người lập biểu



Trần Thị Miên

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Giám đốc



Lê Hoài An



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		65.071.867.011	73.871.246.834
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.673.231.087)	(75.182.650.113)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.746.941.446)	(9.392.134.451)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.055.242.656)	(1.770.219.392)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.822.250.149)	(1.196.282.571)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.167.165.960	8.565.861.569
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.271.397.068)	(10.091.359.973)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.330.029.435)</b>	<b>(15.195.538.097)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.433.986.672)	(4.992.255.523)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.407.851	1.799.790
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.431.578.821)</b>	<b>(4.990.455.733)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.000.000.000	
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		48.818.846.787	60.288.558.686
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(55.508.814.071)	(44.126.396.700)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>92.310.032.716</b>	<b>16.162.161.986</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>84.548.424.460</b>	<b>(4.023.831.844)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.512.933.138</b>	<b>5.505.249.071</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>89.061.357.598</b>	<b>1.481.417.227</b>

Người lập biểu

2/m

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Phu

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Giám đốc



Lê Hoài An

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	13.818.737.990	1.397.608.365
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.242.619.608	3.115.324.773
<b>Cộng</b>	<b>89.061.357.598</b>	<b>4.512.933.138</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (*)	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>

(\*) Trong năm Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh, tỷ lệ cam kết góp vốn của Công ty là 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng Việt Nam)

*Đầu tư góp vốn vào công ty con*

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào	101.394.183.172	-	101.394.183.172	22.394.183.172	-	22.394.183.172



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

công ty con

+ Công ty

TNHH sản

xuất gạch 101.394.183.172 - 101.394.183.17

2

22.394.183.172 - 22.394.183.172

Khang

Minh (\*)

Cộng 102.144.183.172 - 102.144.183.17

2

23.144.183.172 - 23.144.183.172

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>58.169.904.804</b>	<b>51.898.653.902</b>
- Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.098.230.713	2.198.230.713
- Công ty CP Xây Dựng Số 2	2.192.898.560	2.132.371.419
- Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	1.482.354.379	1.930.337.626
- Công ty TNHH Hồng Hạnh	4.130.380.444	691.116.344
- Công ty cổ phần TSQ Techco	2.850.852.170	
- Công ty CP đầu tư và vật liệu xây dựng An Vinh	3.377.275.096	3.485.275.096
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	42.037.913.442	41.461.322.704
<b>Cộng</b>	<b>58.169.904.804</b>	<b>51.898.653.902</b>

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.086.394.000</b>	-	<b>563.000.000</b>	-
- Tạm ứng	170.100.000	-	563.000.000	-
- Phải thu khác	8.916.294.000	-	-	-
+ Thuế TNCN của cá nhân cho vay		-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	8.916.294.000	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>43.479.425</b>	-	<b>43.479.425</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	43.479.425	-	43.479.425	-
<b>Cộng</b>	<b>9.129.873.425</b>	-	<b>606.479.425</b>	-

Phải thu khác bên liên quan

Đối tượng	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Đặng Việt Lê	1.901.951.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.901.951.000</b>	-	-	-

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.903.874.640	-	3.779.392.818	-
- Công cụ, dụng cụ	15.900.000	-	366.475.626	-
- Thành phẩm	6.787.948.480	-	13.010.319.043	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>11.707.723.120</b>	<b>-</b>	<b>17.156.187.487</b>	<b>-</b>
-------------	-----------------------	----------	-----------------------	----------

**06. Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	49.279.809	87.018.383
- Xây dựng cơ bản dở dang	5.555.867.876	5.349.186.210
+ Văn phòng làm việc	5.274.097.469	5.274.097.469
+ Nhà kho	281.770.407	75.088.741
<b>Cộng</b>	<b>5.605.147.685</b>	<b>5.436.204.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>18.785.636.755</i>	<i>37.449.050.655</i>	<i>8.805.818.172</i>	<i>916.522.727</i>	<i>1.438.218.182</i>	<i>67.395.246.491</i>
- Mua trong năm	-	4.924.302.545	-	663.940.909	-	5.588.243.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối quý</i>	<i>18.785.636.755</i>	<i>42.373.353.200</i>	<i>8.805.818.172</i>	<i>1.580.463.636</i>	<i>1.438.218.182</i>	<i>72.983.489.945</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.586.126.615</i>	<i>15.650.197.336</i>	<i>3.058.438.244</i>	<i>316.454.535</i>	<i>741.487.308</i>	<i>29.352.704.038</i>
- Khấu hao trong năm	934.884.948	2.547.134.239	669.909.105	80.345.786	79.104.438	4.311.378.516
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối quý</i>	<i>10.521.011.563</i>	<i>18.197.331.575</i>	<i>3.728.347.349</i>	<i>396.800.321</i>	<i>820.591.746</i>	<i>33.664.082.554</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>9.199.510.140</i>	<i>21.798.853.319</i>	<i>5.747.379.928</i>	<i>600.068.192</i>	<i>696.730.874</i>	<i>38.042.542.453</i>
<i>2. Tại ngày cuối quý</i>	<i>8.264.625.192</i>	<i>24.176.021.625</i>	<i>5.077.470.823</i>	<i>1.183.663.315</i>	<i>617.626.436</i>	<i>39.319.407.391</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.157.701.389</b>	<b>1.494.473.836</b>
- Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.157.701.389	1.494.473.836
<b>b. Dài hạn</b>	<b>13.491.516.448</b>	<b>14.331.361.466</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	463.270.473	1.156.074.577
- Chi phí san lấp mặt bằng	13.028.245.975	13.175.286.889
<b>Cộng</b>	<b>14.649.217.837</b>	<b>15.825.835.302</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối quý	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>51.712.540.502</b>	<b>51.712.540.502</b>	<b>47.874.940.592</b>	<b>53.243.293.322</b>	<b>46.344.187.772</b>	<b>46.344.187.772</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>						
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (a)	8.987.914.240	8.987.914.240	12.255.226.628	8.992.271.346	12.250.869.522	12.250.869.522
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (b)	33.224.626.262	33.224.626.262	35.619.713.964	34.751.021.976	34.093.318.250	34.093.318.250
<b>Vay cá nhân</b>						
+ <i>Đặng Việt Lê- Chủ tịch HĐQT</i>	9.500.000.000	9.500.000.000		9.500.000.000		
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>12.484.596.148</b>	<b>12.484.596.148</b>	<b>479.500.000</b>	<b>2.265.520.749</b>	<b>10.698.575.399</b>	<b>10.698.575.399</b>
<i>Vay dài hạn</i>						
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>						
- <b>Vay ngân hàng</b>						
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (c)	1.363.790.000	1.363.790.000		440.880.000	922.910.000	922.910.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (d)	7.183.392.775	7.183.392.775		1.794.672.000	5.388.720.775	5.388.720.775
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – chi nhánh Hà Thành ( e )	3.937.413.373	3.937.413.373			3.937.413.373	3.937.413.373
+ Shinhan Bank ( f )			479.500.000	29.968.749	449.531.251	449.531.251
<b>Cộng</b>	<b>64.197.136.650</b>	<b>64.197.136.650</b>	<b>48.354.440.592</b>	<b>55.508.814.071</b>	<b>57.042.763.171</b>	<b>57.042.763.171</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>19.625.257.797</b>	<b>19.625.257.797</b>	<b>19.594.184.072</b>	<b>19.594.184.072</b>
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hà Mai	531.500.000	531.500.000	731.500.000	731.500.000
- Công ty CP vận tải Vijasun Hà Nam	646.586.589	646.586.589	687.549.246	687.549.246
- Công ty CP Đoàn Minh Công	2.659.925.600	2.659.925.600	231.345.600	231.345.600
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	1.436.085.468	1.436.085.468	1.292.460.628	1.292.460.628
- CTCP Đầu Tư Thương Mại và Dịch Vụ Thăng Long	978.109.030	978.109.030	6.352.995.230	6.352.995.230
- Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	2.139.395.500	2.139.395.500	1.216.160.250	1.216.160.250
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Khang Minh	613.467.894	613.467.894	812.538.830	812.538.830
- Công ty CP Thương mại IDC Vạn Thành	1.590.335.998	1.590.335.998	1.190.721.998	1.190.721.998
- Công ty CP Tài nguyên Đông Bắc	1.667.217.800	1.667.217.800		
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	7.362.633.918	7.362.633.918	7.078.912.290	7.078.912.290
<b>Cộng</b>	<b>19.625.257.797</b>	<b>19.625.257.797</b>	<b>19.594.184.072</b>	<b>19.594.184.072</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	-	721.473.944	2.122.790.606	1.641.863.882		1.202.400.668
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.822.250.149	793.558.121	1.822.250.149		793.558.121
- Thuế thu nhập cá nhân	1.127.790	206.314.405	12.575.776	30.603.786	1.127.790	188.286.395
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17.050.162.000	-	-		16.877.173.864	
- Các loại thuế khác	-	-	-			
<b>Cộng</b>	<b><u>17.051.289.790</u></b>	<b><u>2.750.038.498</u></b>	<b><u>2.928.924.503</u></b>	<b><u>3.494.717.817</u></b>	<b><u>16.878.301.654</u></b>	<b><u>2.184.245.184</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<b>1.065.743.706</b>	<b>476.580.219</b>
- Kinh phí công đoàn	471.858.551	350.891.899
- Bảo hiểm xã hội	593.885.155	125.688.320
<b>Cộng</b>	<b>1.065.743.706</b>	<b>476.580.219</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	-	8.890.903.010	53.890.903.010
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	14.794.495.534	14.794.495.534
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>45.000.000.000</b>		<b>19.185.398.544</b>	<b>64.185.398.544</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>				
Tăng vốn trong năm nay	90.000.000.000	9.000.000.000	-	99.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	2.410.978.703	2.410.978.703
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	1.100.000	-	1.100.000
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>8.998.900.000</b>	<b>21.596.377.247</b>	<b>165.595.277.247</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối quý	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các đối tượng khác	135.000.000.000	100	45.000.000.000	100
- Ông Đặng Việt Lê	45.000.000.000	33	15.000.000.000	33
- Ông Lê Hoài An	4.500.000.000	3	1.500.000.000	3
- Các cổ đông khác	85.500.000.000	64	28.500.000.000	64
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	90.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>4.500.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>4.500.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	65.624.795.908	76.359.224.509
<b>Cộng</b>	<b>65.624.795.908</b>	<b>76.359.224.509</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Hàng bán bị trả lại	19.591.850	
<b>Cộng</b>	<b>19.591.850</b>	

**03. Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	54.562.109.548	68.079.524.003
<b>Cộng</b>	<b>54.562.109.548</b>	<b>68.079.524.003</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.407.851	1.799.790
<b>Cộng</b>	<b>2.407.851</b>	<b>1.799.790</b>

**05. Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Lãi tiền vay	2.055.242.656	1.770.219.392
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>2.055.242.656</b>	<b>1.770.219.392</b>

**06. Chi phí khác**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
- Lãi nộp chậm bảo hiểm, thuế	82.709.588	17.365.310
- Các khoản khác	221.061.419	12.063.214
<b>Cộng</b>	<b>303.771.007</b>	<b>29.428.524</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng năm 2018</b>	<b>6 tháng năm 2017</b>
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>2.590.897.145</i>	<i>2.115.725.805</i>
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>2.891.054.729</i>	<i>2.455.699.917</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.481.951.874</b>	<b>4.571.425.722</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	793.558.121	797.402.657
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>793.558.121</b>	<b>797.402.657</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.410.978.703	10.786.166.165
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.410.978.703	10.786.166.165
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.550.000	4.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>229</b>	<b>2.397</b>

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.643.262.644	35.457.689.460
- Chi phí nhân công	7.475.126.774	10.173.415.541
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.311.378.516	4.228.014.826
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.081.141.970	13.470.678.087
- Chi phí khác bằng tiền	3.287.958.959	1.810.991.047
<b>Cộng</b>	<b>45.798.868.863</b>	<b>65.140.788.961</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

### **03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất gạch không nung.

#### ***Khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.061.357.598	-	4.512.933.138	-	89.061.357.598	4.512.933.138
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.299.778.229	-	52.505.133.327	-	67.299.778.229	52.505.133.327
Đầu tư tài chính ngắn hạn		-		-		
Đầu tư tài chính dài hạn		-		-		
<b>Cộng</b>	<b>156.361.135.827</b>	<b>-</b>	<b>57.018.066.465</b>	<b>-</b>	<b>156.361.135.827</b>	<b>57.018.066.465</b>
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả cho người bán						
Vay và nợ	57.042.763.171	64.197.136.650	57.042.763.171	64.197.136.650		
Chi phí phải trả						
Các khoản phải trả khác	20.691.001.503	20.070.764.291	20.691.001.503	20.070.764.291		
<b>Cộng</b>	<b>77.733.764.674</b>	<b>84.267.900.941</b>	<b>77.733.764.674</b>	<b>84.267.900.941</b>		

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối quý</b>				
Phải trả cho người bán	20.691.001.503			20.691.001.503
Vay và nợ	46.344.187.772	10.698.575.399		57.042.763.171
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả khác				
<b>Cộng</b>	<b>67.035.189.275</b>	<b>10.698.575.399</b>		<b>77.733.764.674</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

#### **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Miên

Hoàng Hạnh Phúc

Lê Hoài An